

Thứ năm, ngày 19 tháng 11 năm 2020

Vietnam Daily Review

Vượt ngưỡng 980 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/11/2020		•	
Tuần 16/11-20/11/2020		•	
Tháng 11/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Nổi tiếp đà tăng từ phiên hôm trước, VN-Index đã vượt ngưỡng 980 điểm. Dòng tiền đầu tư tiếp tục lan tỏa vào thị trường khi có 15/19 nhóm ngành tăng điểm. Thanh khoản thị trường duy trì xu hướng tăng, biên độ thị trường tích cực và độ rộng thị trường nở rộng phản ánh tâm lý giao dịch hưng phấn của nhà đầu tư. Khối ngoại duy trì nhịp mua ròng và tập trung vào các mã cổ phiếu vốn hóa lớn như VJC, VNM và VCB. VN-Index vượt ngưỡng 980 điểm với lượng thanh khoản cao trong phiên đáo hạn HĐTL đã cho thấy xu hướng vận động lên vùng 980-990 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_Vật liệu Xây dựng_2.0%**

Phân tích kỹ thuật: VRE_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+9.73** điểm, đóng cửa **983.26** điểm. HNX-Index **+0.05** điểm, đóng cửa **146.85** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+2.67)**, **SAB (+1.79)**, **GAS(+1.11)**, **PLX(+0.82)**, **CTG (+0.57)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.84)**; **VHM (-0.29)**; **MSN(-0.12)**; **MBB(-0.12)**; **VCI (-0.10)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,770** tỷ đồng, **+10.2%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 7.98 điểm, thu hẹp so với phiên trước. Thị trường có **254** mã tăng, 67 mã tham chiếu và **176** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **399.28** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **VJC (113.6 tỷ)**, **VNM (97.3 tỷ)** và **VCB (88.2 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-19.75** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **983.26**
Giá trị: 9770.1 tỷ **9.73 (1%)**
Khối ngoại (ròng): 399.28 tỷ

HNX-INDEX **146.85**
Giá trị: 480.7 tỷ **0.05 (0.03%)**
Khối ngoại (ròng): -19.75 tỷ

UPCOM-INDEX **66.05**
Giá trị: 0.4 tỷ **0.17 (0.26%)**
Khối ngoại(ròng): 5.82 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	41.7	-0.41%
Giá vàng	1,859	-0.69%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.01%
Tỷ giá EUR/VND	27,430	-0.14%
Tỷ giá JPY/VND	22,305	-0.09%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	20.62%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-9.26%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VJC	113.6	HDB	-40.1
VNM	97.3	PLX	-20.6
VCB	88.2	VHM	-16.6
VRE	84.5	GEX	-12.7
CTG	53.4	CTD	-10.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Thị trường hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_2.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	7/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Vật liệu Xây dựng	2.0%	8.6%	13.3%	16.6%	39.8%	36.6%	27.9%
Dầu khí	2.0%	4.6%	13.0%	6.3%	19.6%	-8.6%	37.6%
Lãi suất giảm	1.8%	3.7%	16.5%	14.3%	40.9%	36.5%	31.5%
Nước & Năng lượng	1.6%	2.4%	7.4%	3.7%	20.3%	8.3%	24.9%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.5%	3.5%	9.1%	13.5%	31.1%	5.3%	31.1%
Đầu tư công	1.4%	5.6%	16.7%	14.9%	43.5%	35.3%	24.9%
Stay-at-home	1.1%	-0.1%	10.3%	8.2%	30.9%	36.9%	32.3%
Xây dựng	1.0%	3.3%	14.7%	12.2%	37.5%	27.1%	29.7%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.9%	2.5%	7.6%	7.3%	22.2%	8.7%	30.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	0.9%	6.2%	18.7%	16.8%	40.7%	41.8%	28.5%
Corona Avengers	0.8%	3.9%	14.9%	12.6%	31.5%	26.7%	33.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.8%	2.0%	7.2%	13.5%	32.6%	17.8%	26.5%
EVFTA	0.7%	3.5%	13.5%	11.1%	12.3%	12.3%	19.9%
VN FinSelect	0.7%	2.0%	7.1%	6.9%	21.0%	7.9%	29.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	0.5%	4.1%	6.8%	23.3%	8.1%	26.9%
Chiến tranh thương mại	0.6%	6.1%	15.5%	16.9%	43.7%	24.3%	30.0%
VN Diamond	0.5%	1.4%	5.8%	7.6%	23.8%	1.9%	30.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	0.8%	4.1%	10.4%	20.6%	4.4%	24.4%
Cổ phiếu ngành Dược	0.5%	1.2%	4.4%	5.3%	20.3%	10.2%	20.7%
FTSE Việt Nam	0.4%	1.5%	3.8%	8.2%	18.3%	5.6%	24.5%
Hàng tiêu dùng	0.4%	-0.5%	7.7%	14.7%	35.7%	24.5%	28.4%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.3%	1.4%	8.3%	11.4%	31.2%	11.0%	29.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.1%	2.3%	7.9%	6.5%	22.7%	8.6%	24.2%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.1%	0.1%	5.8%	4.6%	24.4%	27.2%	20.8%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.7%	1.9%	10.7%	14.1%	34.2%	26.0%	29.7%
Ngân Hàng	-1.3%	0.1%	6.5%	10.6%	33.7%	22.1%	32.3%

Mục tiêu	5/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M22	2.2%	3.4%	8.6%	10.4%	25.7%	19.0%	25.2%
M31	1.9%	5.2%	11.7%	14.6%	36.1%	18.1%	29.7%
S32	1.7%	3.4%	12.2%	17.3%	36.9%	10.9%	32.8%
M12	1.1%	1.6%	7.1%	10.4%	23.5%	10.1%	24.9%
L32	1.1%	3.5%	10.0%	19.1%	36.6%	10.3%	30.0%
S21	0.8%	2.8%	10.0%	11.4%	34.9%	16.5%	27.0%
L22	0.8%	2.0%	7.4%	8.0%	29.0%	9.5%	27.0%
L11	0.6%	1.2%	4.5%	5.6%	21.9%	8.2%	23.7%
S11	0.6%	2.0%	8.8%	12.8%	32.5%	31.5%	25.0%

Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	1.1%	1.9%	7.7%	11.9%	29.4%	12.3%	27.8%
LOW1	1.1%	2.0%	6.2%	7.1%	19.4%	7.1%	24.8%
MID1	0.8%	1.0%	7.3%	9.5%	31.5%	26.9%	24.8%

INDEX							
VNINDEX	1.0%	1.8%	6.2%	8.6%	19.2%	2.3%	23.8%
VN30INDEX	0.8%	1.5%	5.9%	10.1%	22.6%	7.5%	25.0%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	7	19	16	10	20	6
Mục tiêu	9	5	4	7	2	8	1
Rủi ro	3	2	1	2	1	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

Vũ Quốc Khánhhttps://invest.bsc.com.vn/#/loginkhanhvuq@bsc.com.vn

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 19/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.63	-0.45%	1.20%	-0.20%	-22.26%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	44.25	-0.20%	1.70%	1.70%	-25.54%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	115.77	-0.45%	0.10%	-1.30%	-23.11%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1871.38	-0.05%	-0.30%	-1.90%	26.65%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.34	0.02%	0.20%	-1.20%	41.75%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1174.50	-0.11%	2.50%	10.40%	23.24%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	605.25	-0.21%	1.30%	-4.20%	10.15%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.00	-0.06%	-13.30%	-17.30%	-7.25%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	216.82	1.09%	-1.90%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.45	0.91%	6.60%	5.00%	12.77%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	122.85	2.80%	9.70%	12.80%	4.64%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	7088.50	0.29%	3.00%	4.60%	20.66%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	600.85	0.92%	3.50%	10.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	622.79	0.99%	4.50%	11.10%			
Nhôm	USD/ton	1998.00	1.04%	4.20%	7.80%	14.76%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	133.18	2.13%	4.90%	13.10%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	63.30	0.96%	1.40%	3.30%	-16.71%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 tăng 59 US cent (1.4%) lên 44.34 USD/thùng. Dầu Tây Texas Mỹ (WTI) kỳ hạn tháng 12/2020 tăng 39 US cent (0.9%) lên 41.82 USD/thùng.
- Pfizer vừa đưa tin, kết quả thử nghiệm mới nhất ở giai đoạn cuối cho thấy vắc-xin do họ nghiên cứu có hiệu quả đến 95%.\

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.3% xuống 1,872.38 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 giảm 0.6% xuống 1,873.90 USD/ounce.
- Doanh số bán lẻ của Mỹ tháng 10/2020 tăng ít hơn so với dự kiến, và có thể tiếp tục chậm lại trong những tháng tiếp theo, do số ca nhiễm tăng và những chính sách hạn chế mới để chống dịch.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 1.5% lên 859 CNY/tấn. Quặng sắt 62% nhập khẩu phiên liền trước tăng 0.5 USD lên 124.5 USD/tấn. Trên sàn Thượng Hải, thép cuộn cán nóng tăng 0.4% lên 4,047 CNY (618.5 USD)/tấn.
- Sản lượng ô tô của Trung Quốc trong tháng 10 tăng 11.1% so với cùng kỳ năm ngoái lên 2.48 triệu chiếc, trong khi sản lượng đồng và tử mát tăng lần lượt 82% và 25.8%

Giá cao su

- Hợp đồng cao su tháng 4/2021 trên sàn Osaka giảm 7.5 JPY (3.3%) xuống 222.7 JPY (2.1 USD)/kg.Trên sàn Thượng Hải, cao su kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 420 CNY xuống 14,135 CNY (2,158 USD)/tấn.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE tăng 0.14 US cent, tương đương 0.9%, lên 15.45 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn London tăng 2.60 USD hay 0.6% lên 417.90 USD/tấn.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 1.35 US cent (1.1%) lên 1.2085 USD/lb. Giá cà phê Robusta giao tháng 1/2021 tăng 21 USD (1.5%) lên 1,437 USD/tấn.

	19/11	% 19/11	18/11	% 18/11	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	983.26	1.00%	973.53	0.48%	2.50%	4.11%
S&P 500			3567.79	-1.16%	-0.14%	4.11%
HĐTL S&P500	3565.75	0.02%	3565.00	-1.16%	0.94%	3.89%
Shang- hai	3363.09	0.47%	3347.30	0.22%	0.73%	1.05%
Euro Stoxx	3457.91	-0.70%	3482.17	0.39%	0.87%	7.13%

Phân tích kỹ thuật

VRE_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: VRE đang ở trong trạng thái tích lũy trung hạn trong khu vực 25-29 trong nửa năm trở lại đây sau khi có sự hồi phục vào tháng 4 và tháng 5. Thanh khoản cổ phiếu những ngày giao dịch gần đây đang duy trì giá trị tốt và ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái tích cực. Hôm nay, đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 đồng thời chỉ báo RSI cũng chưa đi vào vùng quá mua nên cổ phiếu có thể thiết lập đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của VRE nằm tại khu vực xung quanh giá 27.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 31, cắt lỗ nếu ngưỡng 27 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

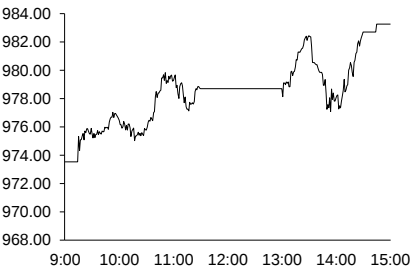
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Truyền thông	-0.55%
Dịch vụ tài chính	-0.52%
Du lịch và Giải trí	-0.21%
Bất động sản	-0.11%
Viễn thông	0.00%
Y tế	0.10%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.48%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.68%
Ô tô và phụ tùng	0.92%
Bán lẻ	1.00%
Xây dựng và Vật liệu	1.10%
Hóa chất	1.20%
Thực phẩm và đồ uống	1.20%
Ngân hàng	1.40%
Tài nguyên Cơ bản	1.56%
Công nghệ Thông tin	1.88%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.05%
Bảo hiểm	2.09%
Dầu khí	3.97%

Hình 1

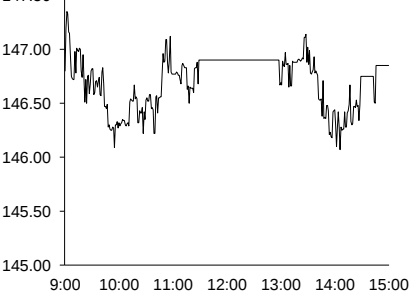
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
11/18/2020	VGT	9.3	11.2	8.5	9.6	1	3.23%	Có thể tiếp tục mua
11/17/2020	BSR	7.3	8.5	6.6	7.5	2	2.74%	Có thể tiếp tục mua
11/16/2020	TCB	22.9	25	21.5	23.4	3	2.18%	Có thể tiếp tục mua
11/13/2020	VCB	86.9	96	84.5	90.2	6	3.80%	Có thể tiếp tục mua
11/12/2020	HBC	11.15	14	10	12.1	7	8.52%	Có thể tiếp tục mua
11/9/2020	TNG	13.3	17	12	14	10	5.26%	Có thể tiếp tục mua
11/6/2020	DXG	12.6	14.75	11	14.1	13	11.90%	Có thể tiếp tục mua
11/5/2020	HDC	23.45	29.5	21	25.75	14	9.81%	Có thể tiếp tục mua
11/2/2020	FIR	24.5	27	23.5	25.05	17	2.24%	Có thể tiếp tục mua
10/30/2020	MWG	104.7	120	100	112	20	6.97%	Có thể tiếp tục mua
10/29/2020	IMP	49	58	46	52	21	6.12%	Có thể tiếp tục mua
10/28/2020	PDR	39.47	44.9	35.55	39.25	22	-0.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/27/2020	KDH	24.3	26.75	23.5	24.75	23	1.85%	Có thể tiếp tục mua
10/22/2020	SJS	24.6	29	22.5	26.9	28	9.35%	Có thể tiếp tục mua
10/16/2020	FPT	53.2	60	50	55.1	34	3.57%	Có thể tiếp tục mua
10/1/2020	SBT	15.3	17.43	13.56	17.25	49	12.75%	Cần nhắc không mua thêm (**)
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	109.7	51	0.46%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	12.2	55	7.49%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	12.7	58	10.92%	Có thể tiếp tục mua
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.95	59	7.94%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	56.3	63	5.63%	Có thể tiếp tục mua
9/14/2020	TCT	26.49	33.18	23.71	27.4	66	3.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	27.15	69	12.66%	Cần nhắc không mua thêm (**)
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	25	84	-1.57%	Có thể tiếp tục mua
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	36	148	17.30%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	77.5	156	3.47%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

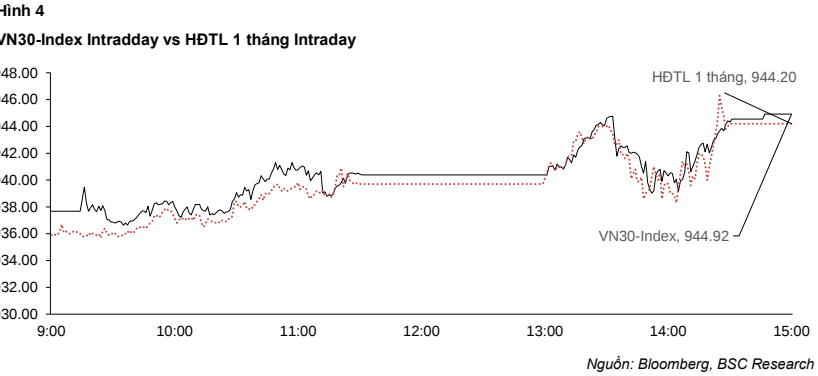
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
11/10/2020	PVS	14.3	16	13.5	TP	9	11.89%
11/4/2020	PWA	10.4	11.5	9.2	TP	5	10.58%
11/3/2020	GVR	15.5	18.75	13	TP	15	20.97%
10/26/2020	PHR	56.5	60	55	SL	3	-2.65%
10/23/2020	CSM	17.3	20	15.75	SL	6	-8.96%
10/21/2020	DHC	46	52	44	TP	23	13.04%
10/20/2020	TCM	25.05	28	22	TP	20	11.78%
10/19/2020	DRI	4.8	5.4	3.8	TP	1	12.50%
10/15/2020	ACV	61.8	70	60	TP	26	13.27%
10/14/2020	TCB	22.85	26	21.5	SL	16	-5.91%

Chú thích:
 Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	24	2	6.65%	-1.07%	6.06%	42
Cổ phiếu đã chốt	55	35	12.26%	-7.57%	4.55%	26

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2011	944.20	0.88%	-0.72	-43.3%	82,732	11/19/2020	0
VN30F2012	949.50	0.58%	4.58	82.0%	17,675	12/17/2020	28
VN30F2103	946.00	0.33%	1.08	-36.4%	49	3/18/2021	119
VN30F2106	946.00	0.42%	1.08	-21.6%	29	6/17/2021	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index +7.25 điểm, lên 944.92 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VCB, VPB, SAB, FPT tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 tăng tích cực trong phiên sáng, sau đó vận động giằng co trong phiên chiều quanh 940-945 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể vận động tăng lên 960 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2012, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2103, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHPG2023	1/12/2021	54	1:1	307,190	37.65%	2,100	7,300	12.31%	7,031	1.04	30,600	28,500	35,200
CVPB2008	1/14/2021	56	2:1	1,894,180	44.07%	1,800	2,130	12.11%	2,035	1.05	25,600	22,000	25,500
CFPT2008	1/14/2021	56	5:1	628,190	31.64%	1,500	1,900	11.76%	1,565	1.21	55,500	48,000	55,100
CHPG2019	12/18/2020	29	2:1	255,010	37.65%	1,630	5,400	8.00%	5,595	0.97	27,360	24,100	35,200
CHPG2022	5/4/2021	166	2:1	574,310	37.65%	2,100	5,000	7.53%	4,638	1.08	31,200	27,000	35,200
CHPG2017	2/18/2021	91	4:1	1,647,030	37.65%	1,000	1,920	7.26%	1,762	1.09	32,888	28,888	35,200
CHPG2018	5/14/2021	176	4:1	580,050	37.65%	1,200	2,070	6.70%	1,769	1.17	34,799	29,999	35,200
CVPB2011	4/1/2021	133	2:1	601,770	44.07%	1,900	2,080	6.67%	2,005	1.04	27,800	24,000	25,500
CHPG2008	11/30/2020	11	1:1	105,790	37.65%	4,100	15,060	6.28%	7,240	2.08	32,100	28,000	35,200
CHPG2021	4/1/2021	133	2:1	1,007,050	37.65%	2,400	5,580	5.08%	5,395	1.03	29,800	25,000	35,200
CHPG2016	1/14/2021	56	2:1	827,980	37.65%	2,200	7,860	4.94%	3,989	1.97	31,900	27,500	35,200
CHPG2014	4/19/2021	151	1:1	380,370	37.65%	7,200	17,610	4.45%	9,582	1.84	33,700	26,500	35,200
CVIC2005	6/11/2021	204	10:1	718,210	36.72%	1,500	1,680	1.82%	1,132	1.48	121,868	106,868	104,000
CTCB2011	2/9/2021	82	1:1	821,740	38.07%	3,400	3,150	1.61%	2,217	1.42	26,000	22,600	23,400
CMWG2010	1/14/2021	56	8:1	439,750	42.03%	1,400	3,150	0.32%	3,075	1.02	94,672	80,865	112,000
CSTB2007	4/27/2021	159	2:1	616,380	44.30%	1,500	2,100	-0.47%	1,938	1.08	13,999	10,999	14,200
CVIC2006	4/1/2021	133	10:1	467,250	36.72%	1,700	2,290	-0.87%	2,065	1.11	104,000	87,000	104,000
CVJC2006	6/11/2021	204	1.74:1	1,249,270	30.10%	1,000	980	-1.01%	646	1.52	131,111	111,111	113,700
CSTB2013	3/12/2021	113	1:1	375,660	44.30%	3,200	2,910	-2.35%	2,798	1.04	15,200	12,000	14,200
CMBB2007	1/14/2021	56	1.74:1	740,670	35.10%	1,400	2,800	-5.41%	1,406	1.99	17,217	14,783	19,500
Tổng				14,237,850	38.30%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/11/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.
- CVNM2015 và CSBT2007 tăng mạnh lần lượt là 42.22% và 31.58%. Trái lại, CHDB2003 và CMSN2012 giảm mạnh lần lượt là -17.20% và -17.00%. Giá trị giao dịch tăng 38.82%. CHPG2014 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.54% thị trường.
- CVRE2005, CVPB2006, CHPG2019, CSTB2009, và CSTB2012 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CMSN2008, và CHPG2002 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMSN2010, và CHPG2013 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	112.0	1.3%	1.2	2,204	6.9	8,517	13.2	3.3	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	74.0	0.7%	1.2	724	4.3	4,592	16.1	3.4	49.0%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	56.9	2.9%	1.5	1,836	4.0	1,731	32.9	2.1	28.6%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	29.9	0.3%	0.3	291	0.0	2,729	11.0	1.0	54.4%	9.1%
VIC	Bất động sản	104.0	-0.9%	0.8	15,294	5.4	2,660	39.1	4.1	13.8%	11.0%
VRE	Bất động sản	27.9	1.5%	1.1	2,756	7.0	1,001	27.9	2.2	30.3%	8.1%
VHM	Bất động sản	77.5	0.3%	1.2	11,084	8.3	6,895	11.2	3.4	21.9%	35.4%
DXG	Bất động sản	14.1	-0.4%	1.4	318	3.0	(151)		1.1	36.0%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	18.5	0.3%	1.3	482	4.2	1,834	10.1	1.2	48.4%	11.5%
VCI	Chứng khoán	40.8	-5.2%	1.0	294	4.1	3,770	10.8	1.7	26.2%	15.9%
HCM	Chứng khoán	23.3	0.4%	1.6	309	3.4	1,705	13.7	1.6	48.6%	11.8%
FPT	Công nghệ	55.1	2.0%	0.8	1,878	11.9	4,236	13.0	2.9	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	51.6	-0.6%	0.4	614	0.0	4,812	10.7	2.7	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	82.1	2.6%	1.4	6,832	8.2	4,752	17.3	3.4	3.0%	19.7%
PLX	Dầu khí	50.7	4.8%	1.5	2,687	4.1	682	74.3	3.0	15.9%	4.3%
PVS	Dầu khí	15.7	0.0%	1.5	326	6.6	1,621	9.7	0.6	10.5%	6.3%
BSR	Dầu khí	7.5	2.7%	0.8	1,011	1.7	898	8.4	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	102.9	-0.1%	0.5	585	0.0	5,405	19.0	4.0	54.8%	21.7%
DPM	Hóa chất	17.3	-0.3%	0.4	294	1.6	2,011	8.6	0.8	12.4%	10.4%
DCM	Hóa chất	12.4	0.0%	0.5	285	1.3	872	14.2	1.0	3.7%	7.4%
VCB	Ngân hàng	90.2	3.0%	1.1	14,545	10.0	4,630	19.5	3.6	23.6%	19.7%
BID	Ngân hàng	40.4	0.9%	1.3	7,065	3.1	2,126	19.0	2.1	17.3%	12.5%
CTG	Ngân hàng	33.3	1.7%	1.2	5,391	19.5	2,948	11.3	1.5	29.1%	14.0%
VPB	Ngân hàng	25.5	2.4%	1.2	2,703	13.1	4,111	6.2	1.3	23.1%	22.2%
MBB	Ngân hàng	19.5	-0.8%	1.1	2,351	11.4	2,995	6.5	1.2	22.9%	20.0%
ACB	Ngân hàng	27.2	0.0%	0.9	2,556	7.6	3,109	8.7	1.8	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	58.2	-0.3%	0.8	207	0.4	6,186	9.4	2.0	80.8%	20.7%
NTP	Nhựa	33.5	2.4%	0.4	172	0.1	3,820	8.8	1.5	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	16.2	0.6%	0.4	697	0.3	356	45.5	1.3	1.6%	2.9%
HPG	Thép	35.2	1.7%	1.2	5,071	40.4	3,241	10.9	2.1	33.2%	21.3%
HSG	Thép	18.8	-1.3%	1.6	363	12.3	2,591	7.3	1.3	11.2%	19.1%
VNM	Tiêu dùng	109.7	0.3%	0.8	9,967	14.9	4,784	22.9	7.8	57.9%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	193.7	5.5%	0.8	5,401	1.8	6,312	30.7	6.3	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	82.0	-1.1%	1.0	4,188	4.3	2,067	39.7	4.7	33.9%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	17.3	6.5%	0.9	440	5.2	702	24.6	1.4	6.0%	5.5%
ACV	Vận tải	72.1	0.1%	0.8	6,824	1.1	3,450	20.9	4.3	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	113.7	0.2%	1.1	2,590	3.3	(1,528)		4.3	17.9%	-5.6%
HVN	Vận tải	27.0	-1.1%	1.7	1,665	0.9	(7,345)		5.6	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	26.9	-3.2%	0.9	347	3.6	1,179	22.8	1.4	49.0%	5.8%
PVT	Vận tải	15.2	2.4%	1.2	185	2.2	1,966	7.7	0.9	17.0%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	79.2	4.9%	1.0	534	2.9	8,260	9.6	3.3	2.9%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	23.2	0.7%	0.7	452	0.2	1,411	16.4	1.6	7.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.4	2.1%	0.9	288	1.3	1,762	9.8	1.2	5.9%	11.9%
CTD	Xây dựng	61.8	-2.4%	1.0	205	3.1	7,504	8.2	0.6	46.1%	6.9%
CII	Xây dựng	17.0	0.9%	0.3	177	0.9	114	148.9	0.8	30.8%	0.5%
REE	Điện	43.9	0.0%	-1.4	592	1.3	4,599	9.5	1.3	49.0%	13.7%
PC1	Điện	25.7	2.6%	-0.4	178	0.5	2,689	9.6	1.1	13.9%	11.8%
POW	Điện	9.9	1.2%	0.6	1,003	2.6	679	14.5	0.8	9.5%	5.8%
NT2	Điện	23.0	0.0%	0.6	288	0.2	2,103	10.9	1.6	19.4%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	15.0	1.4%	0.8	305	1.8	879	17.0	0.7	18.0%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	38.2	0%	1.0	1,719	0.0			2.6	1.8%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	90.20	2.97	2.67	2.58MLN
SAB	193.70	5.50	1.79	224980
GAS	82.10	2.63	1.11	2.28MLN
PLX	50.70	4.75	0.82	1.88MLN
CTG	33.30	1.68	0.57	13.60MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.84	1.19MLN	1.11MLN
MSN	0.00	-0.29	1.21MLN	607060
HVN	0.00	-0.12	763200.00	373600
MBB	0.00	-0.12	13.41MLN	192700
VCI	-0.01	-0.10	2.26MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CVT	34.40	7.00	0.02	831820.00
HAP	5.83	6.97	0.01	490300
HCD	2.61	6.97	0.00	602280
TLH	5.84	6.96	0.01	152440
AAA	12.30	6.96	0.05	6.42MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
COM	49.40	-6.79	-0.01	590
PNC	8.39	-6.78	0.00	1960
TDC	9.10	-6.67	-0.02	915890.00
HTL	14.40	-6.49	0.00	70
LEC	13.75	-6.46	-0.01	210

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

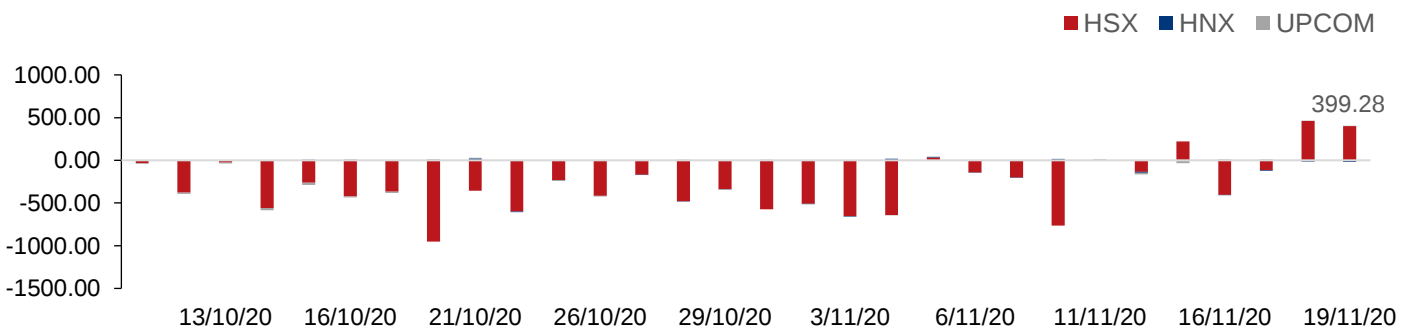
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	79.20	4.90	0.12	858800.00
IDC	28.00	4.09	0.07	311000.00
HUT	2.60	8.33	0.05	6.01MLN
NTP	33.50	2.45	0.03	87000.00
S99	16.80	1.82	0.01	19000

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	17.10	-1.16	-0.28	3.47MLN
VCG	41.10	-0.48	-0.04	3.44MLN
DP3	79.10	-5.72	-0.02	100
CEO	7.20	-1.37	-0.02	1.70MLN
QHD	22.50	-8.54	-0.01	100

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ADC	16.50	10.0	0.00	1500
SGD	8.80	10.0	0.00	3600
TTT	36.30	10.0	0.00	100
PBP	7.80	9.9	0.00	1100
APP	3.50	9.4	0.00	15000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.80	-11.11	-0.01	435900
FID	0.90	-10.00	0.00	30700
PMP	9.10	-9.90	0.00	1100
BII	1.00	-9.09	0.00	26300
VC6	8.00	-9.09	0.00	100

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,412	8.7	0.8	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	27.2	3,109	8.7	1.8	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	72.1	3,450	20.9	4.3	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	27.0	4,752	5.7	1.2	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	17/9/20	25.6	30.0	33.3	2,948	11.3	1.5	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	41.6	13,673	3.0	1.1	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	47.0	5,316	8.8	1.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	66.7	5,241	12.7	2.7	Click
9	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	102.9	5,405	19.0	4.0	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	17.3	2,011	8.6	0.8	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	20.9	1,918	10.9	1.5	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	14.1	-151		1.1	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	55.1	4,236	13.0	2.9	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	26.9	1,179	22.8	1.4	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	27.2	6,870	4.0	1.4	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	35.2	3,241	10.9	2.1	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	18.8	2,591	7.3	1.3	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	15.0	879	17.0	0.7	Click
19	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.8	2,066	12.0	1.8	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.8	2,066	12.0	1.8	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	12.0			0.8	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	26.6	2,528	10.5	1.1	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	82.0	2,067	39.7	4.7	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	112.0	8,517	13.2	3.3	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	24/6/20	25.0	34.6	28.1	2,627	10.7	1.5	Click
26	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	299.9	14,782	20.3	8.3	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	63.9	3,674	17.4	2.7	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	26.0	1,928	13.5	1.6	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	74.0	4,592	16.1	3.4	Click
30	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	12.7	0	21.7	0.4	Click
31	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	15.2	1,966	7.7	0.9	Click
32	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	34.5	4,313	8.0	1.6	Click
33	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	193.7	6,312	30.7	6.3	Click
34	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	17.3	702	24.6	1.4	Click
35	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	27.5	1,816	15.1	2.2	Click
36	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	23.4	3,258	7.2	1.2	Click
37	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	11/9/20	82.5	90.0	90.2	4,630	19.5	3.6	Click
38	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.3	5,479	8.6	2.4	Click
39	VGI	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	9.6	885	10.8	0.8	Click
40	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	46.0	5,130	9.0	1.6	Click
41	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	109.7	4,784	22.9	7.8	Click
42	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	25.5	4,111	6.2	1.3	Click
43	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	27.9	1,001	27.9	2.2	Click
44	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	108.1	4,105	26.3	9.3	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		X	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	X		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	X		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		X	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		X	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	X		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		X	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	X		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	X		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	X		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	X		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		X	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	X		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	X		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	X		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	X		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		X	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	X		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	X		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		X	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	X		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		X	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	X		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	X		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	X		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		X	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	X		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	X		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		X	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	X		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		X	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	X		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	X		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		X	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	X		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		X	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	X		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		X	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	X		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		X	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639